

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**TỔNG CỤC THUẾ**

**HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT**  
**VỀ THUẾ THU NHẬP**  
**ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG**

**NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH**

*Hà Nội, 3 - 2002*

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**TỔNG CỤC THUẾ**

**HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT**  
**VỀ THUẾ THU NHẬP**  
**ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG**

**NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH**  
*Hà Nội, 3 - 2002*

## Lời nói đầu

Trong những năm vừa qua, việc thực hiện Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (được Quốc hội Khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10 tháng 5 năm 1997) và Pháp lệnh về Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 19 tháng 5 năm 2001) và các văn bản dưới luật đã góp phần tích cực thúc đẩy sản xuất phát triển, động viên một phần thu nhập của doanh nghiệp, người có thu nhập cao vào Ngân sách Nhà nước, góp phần thực hiện sự công bằng xã hội giữa các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và cá nhân có thu nhập cao.

Để việc thực hiện Luật và Pháp lệnh nói trên được tốt hơn và luôn phù hợp với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế và yêu cầu quản lý trong tiến trình đổi mới, vừa qua, Chính phủ đã ban hành một số Nghị định, Bộ Tài chính ban hành một số Thông tư nhằm quy định chi tiết, bổ sung, hướng dẫn cụ thể hơn cho phù hợp với tình hình thực tế.

Phòng thuế thu nhập thuộc Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính đã tập hợp, hệ thống hóa các văn bản nói trên trong cuốn sách "HỆ THỐNG CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ THUẾ THU NHẬP ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG". Cuốn sách này như một cẩm nang về Thuế thu nhập, rất cần thiết cho các doanh nghiệp, doanh nhân, các tổ chức quản lý, cá nhân và đồng đạo bạn đọc quan tâm.

Nhà xuất bản Tài chính xin giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

-----o0o-----

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 57/LCTN

## LỆNH

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 78 của Luật tổ chức Quốc hội;

## NAY CÔNG BỐ

1. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự;

2. Luật thuế giá trị gia tăng;

3. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10 tháng 5 năm 1997.

*Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 1997*

CHỦ TỊCH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Đã ký: LÊ ĐỨC ANH*

**LUẬT**  
**THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

# LUẬT

## THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

*Để góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển và động viên một phần thu nhập vào ngân sách Nhà nước; bảo đảm sự đóng góp công bằng, hợp lý giữa các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có thu nhập;*

*Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;*

*Luật này quy định thuế thu nhập doanh nghiệp.*

### *Chương I*

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1.** Đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (dưới đây gọi chung là cơ sở kinh doanh) có thu nhập đều phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ đối tượng quy định tại Điều 2 của Luật này.

**Điều 2.** Đối tượng không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

Hộ gia đình, cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có thu nhập từ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ hộ gia đình và cá nhân nông dân sản xuất hàng hóa lớn có thu nhập cao theo quy định của Chính phủ.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1- "Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ" bao gồm: doanh nghiệp Nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn; công ty cổ phần; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; các công ty nước ngoài và tổ chức nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; doanh nghiệp tư nhân; hợp tác xã; tổ hợp tác; tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; cơ quan hành chính, sự nghiệp có sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ;

2- "Cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ" bao gồm: hộ cá thể và nhóm kinh doanh; hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp; cá nhân kinh doanh; cá nhân hành nghề độc lập; cá nhân có tài sản cho thuê; cá nhân nước ngoài kinh doanh có thu nhập phát sinh tại Việt Nam;

3- "Cơ sở thường trú của công ty nước ngoài ở Việt Nam" là cơ sở kinh doanh mà thông qua cơ sở này công ty nước ngoài tiến hành một phần hay toàn bộ hoạt động kinh doanh của mình tại Việt Nam mang lại thu nhập, bao gồm:

a) Chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, công xưởng, phương tiện vận tải, hầm mỏ, mỏ dầu hoặc khí đốt hoặc bất cứ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào ở Việt Nam;

b) Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp;

c) Cơ sở cung cấp dịch vụ bao gồm cả dịch vụ tư vấn thông qua người làm công cho mình hay một đối tượng khác;

d) Đại lý cho công ty nước ngoài;

đ) Đại diện ở Việt Nam trong các trường hợp sau:

- Có thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên công ty nước ngoài;

- Không có thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên công ty nước ngoài nhưng thường xuyên thực hiện việc giao hàng hoá hoặc cung ứng dịch vụ tại Việt Nam.

Trong trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác về cơ sở thường trú thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó.

**Điều 4.** Nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

1- Cơ sở kinh doanh có nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Luật này.

2- Cơ quan thuế trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Luật này.

3- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, phối hợp với cơ quan thuế trong việc thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

4- Công dân Việt Nam có trách nhiệm giúp cơ quan thuế, cán bộ thuế trong việc thi hành Luật này.



## *Chương II*

# **CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ THUẾ SUẤT**

### **Điều 5. Căn cứ tính thuế.**

Căn cứ tính thuế là thu nhập chịu thuế và thuế suất.

### **Điều 6. Thu nhập chịu thuế**

Thu nhập chịu thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và thu nhập khác, kể cả thu nhập thu được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở nước ngoài.

### **Điều 7. Xác định thu nhập chịu thuế**

1- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bằng doanh thu trừ các khoản chi phí hợp lý có liên quan đến thu nhập chịu thuế.

2- Thu nhập chịu thuế khác bao gồm thu nhập từ chênh lệch mua, bán chứng khoán, quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, lãi về chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản, tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ; kết dư cuối năm các khoản dự phòng; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ nay đòi được; thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; các khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót mới phát hiện ra và các khoản thu nhập khác.

Trong trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác về phương pháp xác định thu nhập chịu thuế đối với cơ sở thường trú thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó.

## **Điều 8. Doanh thu**

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ, kể cả trợ giá.

Trong trường hợp có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá chính thức do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu ngoại tệ.

## **Điều 9. Chi phí**

1- Các khoản chi phí hợp lý được trừ để tính thu nhập chịu thuế bao gồm:

a) Khấu hao tài sản cố định sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật;

b) Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa thực tế sử dụng vào sản xuất, kinh doanh, dịch vụ liên quan đến doanh thu và thu nhập chịu thuế trong kỳ, được tính theo mức tiêu hao hợp lý và giá thực tế xuất kho;

c) Tiền lương, tiền công, tiền ăn giữa ca, các khoản mang tính chất tiền lương, tiền công theo chế độ quy định, trừ tiền lương, tiền công của chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ hộ cá thể sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và thu nhập của sáng lập viên các công ty mà họ không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

d) Chi phí nghiên cứu khoa học, công nghệ; sáng kiến, cải tiến; tài trợ cho giáo dục; y tế; đào tạo lao động theo chế độ quy định;

đ) Chi phí dịch vụ mua ngoài: điện, nước, điện thoại; sửa chữa tài sản cố định; tiền thuê tài sản cố định; kiểm toán; bảo hiểm tài sản; chi trả tiền sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng